

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Thu N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 10, K1, trại giam Xuân Nguyên, Tổng cục VIII, Bộ Công an; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị Thu N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn số 66 ngày 23 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt, làm ăn kinh tế. Mặt khác, anh T làm ăn phi pháp chị N đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vì vậy anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 10 (mười) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị N và anh T đã sống ly thân nhau. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị Đào Thị Thu N khai chị và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015. Hiện chị N đang trực tiếp nuôi con. Trường hợp ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T tự giao nhận cho nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị Thu N khai chị và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2018 (có xác nhận của Ban giám thị Trại giam Xuân Nguyên), anh Nguyễn Đức T (nguyên đơn) khai:

Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời khai của chị N về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn, nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn như chị N đã trình bày là đúng. Chị N xin ly hôn, anh T nhận thấy vợ chồng không còn tình nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T khai anh và chị Đào Thị Thu N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015. Hiện chị N đang trực tiếp nuôi con. Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Bảo A.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T khai hiện anh phải chấp hành án nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Khi chấp hành án xong anh T sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T khai anh và chị Đào Thị Thu N không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015. Căn cứ tài liệu điều tra xác minh khả năng, điều kiện nuôi con và nguyện vọng của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Đào Thị Thu N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn là chị Đào Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T là hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt, làm ăn kinh tế. Mặt khác, anh T làm ăn phi pháp chị N đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. năm 2015, anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 10 (mười) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị N và anh T đã sống ly thân nhau. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015. Hiện chị N đang trực tiếp nuôi con. Trường hợp ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con, anh T cũng đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện từ khi sống ly thân đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên nên

chưa thể có khả năng và điều kiện nuôi con nên giao cho chị Đào Thị Thu N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Đào Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T.
2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Đào Thị Thu N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Hà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008906 ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, chị Đào Thị Thu N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đào Thị Thu N và anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Q, huyện T;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh